

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 18 - 01 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Trọng Hoàn

Ông Lưu Minh Sửu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T .

Ngày 18 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2018/TLST/HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị A ; Sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn P xã X , huyện T , tỉnh T .

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu P ; Sinh năm 1988. Vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn P xã X , huyện T , tỉnh T.

Hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 3 T , tỉnh N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Trần Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị A và anh Nguyễn Hữu P tự nguyện kết hôn đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2010 tại UBND xã X , huyện T , tỉnh T . Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì anh P phạm tội về ma túy. Hiện nay anh Nguyễn Hữu P đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam số 3 T , tỉnh N. Anh P hiện nay nghiện ma túy, không có công việc ổn định, không quan tâm đến vợ con vì thế tình cảm của chị dành cho anh P không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ năm 2013 đến nay. Nay chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh P .

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh P , sinh ngày 06/3/2011. Hiện nay con chung đang ở với chị A . Nguyên vọng của chị A yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Hữu P vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, tại bản tự khai ngày 05/12/2018 anh Nguyễn Hữu P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị A tự nguyện kết hôn và tổ chức cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2010 tại UBND xã X, huyện T, tỉnh T. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì anh P dính vào pháp luật phải đi cải tạo tới 03 lần. Hiện nay anh P đang chấp hành án tại Trại giam số 3 T, tỉnh N. Thời gian qua vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị A yêu cầu ly hôn thì anh P đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 06/3/2011. Hiện nay con chung đang ở với chị A. Anh P đồng ý để chị A nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con chung theo nguyện vọng của chị A.

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai con chung là cháu Nguyễn Minh P trình bày nguyện vọng được ở với mẹ để ổn định cuộc sống và học tập.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Hữu P hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 3 T, tỉnh N. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Hữu P. Anh P đã nhận được các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Anh Nguyễn Hữu P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu P.

[2]. Về nội dung: Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị A và anh Nguyễn Hữu P là hôn nhân hợp pháp tại vì anh chị đã đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Quá trình chung sống trong khoảng thời gian ngắn thì anh Nguyễn Hữu P bị xét xử về tội phạm ma túy. Hiện tại anh P đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam số 3 T, tỉnh N. Vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2013 đến nay, chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P. Anh P cũng đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của chị A. Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt, chị A yêu cầu ly hôn và anh P cũng đồng ý ly hôn nên căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý hôn giữa anh chị là phù hợp.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 06/3/2011. Hiện nay con chung đang ở với chị A. Chị A yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, anh P đồng ý theo nguyện vọng của chị A; Mặt khác nguyện vọng của cháu P muốn được ở với mẹ để ổn định cuộc sống và học tập nên HĐXX giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.
[3]. Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tố tụng: Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Nguyễn Hữu P .

2. Về hôn nhân: Căn cứ vào điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Xử lý hôn giữa chị Trần Thị A và anh Nguyễn Hữu P

3. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc chị Trần Thị A phải chịu 300.000đ án phí DSST nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2017/0001303 ngày 19/11/2018 của Chi cục Thi hành án huyện T .

Chị Trần Thị A được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Hữu P được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND huyện Thọ Xuân
- Các DS
- UBND xã X, huyện T, tỉnh T
- Thi hành án DS huyện T
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hằng